

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2025 và triển khai kế hoạch năm 2026

(Tài liệu Hội nghị Tổng kết hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2025)

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

1. Công tác tham mưu, tổng hợp

- Tham mưu triển khai thực hiện quyết liệt, toàn diện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Trị về đột phá phát triển KH-CN, ĐMST & CDS: Ngành đã kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Quảng Bình và Quảng Trị cũ) ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình/Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung nội dung các kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương và tình hình thực tiễn sau sáp nhập tỉnh để tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn¹. Bên cạnh đó, đã tham mưu thành lập: Ban Chỉ đạo Phát triển KH-CN, ĐMST & CDS; Ban Chỉ đạo Phát triển KH-CN, ĐMST & CDS và Đề án 06; Tổ công tác Phát triển KH-CN, ĐMST & CDS số của tỉnh. Tham mưu các Ban chỉ đạo thành lập Tổ giúp việc, ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các thành viên, ban hành Chương trình công tác năm 2025 và chuẩn bị nội dung các cuộc họp thường kỳ và đột xuất; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung thành viên và chương trình công tác của các Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh².

¹ Tiêu biểu là: Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của BTV Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/08/2025 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị; Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh về triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 1334/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh về Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2026; Kế hoạch số 1484/KH-UBND ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo phương thức đối tác công tư (PPP),...

² Quyết định số 67-QĐ/TU ngày 02/7/2025 của BTV Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển KH-CN, ĐMST & CDS tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 31/07/2025 của Ban Chỉ đạo về phát

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP trên địa bàn tỉnh được thực hiện quyết liệt, đồng bộ và đạt nhiều kết quả rõ nét. Tính đến nay, Ban Chỉ đạo Phát triển KHCN, ĐMST & CDS tỉnh đã giao tổng cộng 161 nhiệm vụ cấp tỉnh, bao gồm các nội dung về thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và dịch vụ công. Trong đó: Hoàn thành 76 nhiệm vụ (47%), chủ yếu ở lĩnh vực hoàn thiện văn bản, đào tạo nhân lực, số hóa hồ sơ và xây dựng quy trình điện tử; Đang triển khai 85 nhiệm vụ (53%), tập trung ở các dự án hạ tầng dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, và Đề án AI, IoT, đô thị thông minh.

- *Tham mưu triển khai hiệu quả Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST & CDS về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị:* Ngành đã tham mưu các kế hoạch của BTV Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Phát triển KHCN, ĐMST & CDS tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; đồng thời tham mưu Ban Chỉ đạo Phát triển KHCN, ĐMST & CDS tỉnh ban hành Quyết định thành lập Tổ Công tác Liên ngành giám sát, hỗ trợ triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW³; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông thành lập, kiện toàn Tổ Công tác đối ứng triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW tại tỉnh Quảng Trị; tích cực hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị, địa phương tập trung “xanh hóa” các nhiệm vụ trong Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

- *Tham mưu triển khai Phương án đảm bảo hạ tầng, nền tảng số hệ thống thông tin trong quá trình triển khai Đề án sắp xếp hành chính cấp tỉnh:* Ngành đã tham mưu UBND tỉnh thành lập 07 Tổ công tác nhằm theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật việc triển khai các Hệ thống chính quyền điện tử; triển khai tập huấn trực tiếp, trực tuyến cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để đưa vào vận hành các hệ thống mới trước và sau ngày 01/7/2025; triển khai 36 nhóm zalo hỗ trợ các đơn vị xã, phường, đặc khu triển khai vận hành 02 hệ thống (Hệ thống hồ sơ công việc 18 nhóm, Công dịch vụ công 18 nhóm) trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền 2 cấp; thường xuyên rà soát, nâng cấp, hoàn thiện và duy trì hoạt động các nền tảng số dùng chung của tỉnh đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt, ổn định và cung cấp tiện ích hỗ trợ công việc của cán bộ, công chức, viên chức trên toàn tỉnh.

- *Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị sự nghiệp đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả:* Ngành đã tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành các nghị quyết, quyết định về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị thuộc Sở⁴. Trên cơ sở đó đã ban

triển KHCN, ĐMST & CDS tỉnh thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST & CDS tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 18/07/2025 của UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển KHCN, ĐMST & CDS và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 11/08/2025 của Ban Chỉ đạo Phát triển KHCN, ĐMST & CDS và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị về việc thành lập Tổ công tác Phát triển KHCN, ĐMST & CDS tỉnh Quảng Trị,...

³ Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 06/8/2025 về triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; Quyết định số 03-QĐ/BCĐ ngày 29/8/2025 thành lập Tổ Công tác Liên ngành giám sát, hỗ trợ triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

⁴ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê

hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng thuộc Sở và của các đơn vị sự thuộc Sở; quyết định bố trí, sắp xếp nhân lực các phòng, đơn vị trực thuộc Sở đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác. Tăng cường giữ gìn đoàn kết nội bộ, giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động sau sáp nhập; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với những người bị tác động, ảnh hưởng, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

- *Tham mưu thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, uỷ quyền trong quản lý, thực hiện nhiệm vụ KH&CN của chính quyền địa phương 2 cấp:* Ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục TTHC được công bố tại các Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Rà soát, đánh giá và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện 03 nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh; trình UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện 68 nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền quyết định một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước với 06 nội dung. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 Quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị. Phối hợp với Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức khóa đào tạo trực tuyến “Nghiệp vụ kiểm tra Nhà nước về đo lường dành cho cán bộ cấp xã/phường” (từ ngày 12/11 - 17/11/2025 với sự tham gia của 50 học viên đến từ 37 xã, phường, đặc khu) nhằm hỗ trợ cấp xã thực hiện các nhiệm vụ mới được phân cấp.

2. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực nghiên cứu khoa học

Đã thực hiện theo dõi và quản lý việc tổ chức triển khai thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 02 dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, 97 đề tài/dự án cấp tỉnh⁵ và 18 nhiệm vụ cấp cơ sở; kịp thời tổ chức chuyển giao và

duyet cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ thông tin thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.

⁵ Trong 97 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, có 02 nhiệm vụ dừng giao trực tiếp và đưa ra khỏi danh mục nhiệm vụ KH&CN thực hiện năm 2025 tại Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị; Đề tài “Nghiên cứu và đề xuất giải pháp xây dựng, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Quảng Bình trong giai

hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để tiến hành ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào hoạt động sản xuất, thương mại hóa. Các nhiệm vụ KH&CN tập trung vào các lĩnh vực có tác động trực tiếp đến đời sống và sản xuất như: Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng biến đổi khí hậu, phát triển sản phẩm đặc trưng địa phương, năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, quản lý tài nguyên – môi trường và dữ liệu đất đai, chuyển đổi số trong giáo dục, y tế, du lịch, hành chính công, ứng dụng AI, IoT, Big Data trong đô thị thông minh, nông nghiệp thông minh và y tế số. Tính đến nay, tỉnh có hơn 200 bài báo khoa học ứng dụng liên quan hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo (trong đó có hơn 16 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)). Tỷ lệ ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn đạt trên 50%, nhiều sản phẩm đã được doanh nghiệp tiếp nhận và thương mại hóa hiệu quả⁶.

2.2. Lĩnh vực công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân, đổi mới sáng tạo

Đã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý công nghệ; đánh giá, thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ, doanh nghiệp và tổ chức KH&CN. Tham gia ý kiến về công nghệ trên 90 dự án đầu tư⁷; cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho 02 doanh nghiệp; cấp/bổ sung giấy chứng nhận hoạt động KH&CN cho 04 đơn vị; nâng số doanh nghiệp KH&CN của tỉnh lên 10 doanh nghiệp và số tổ chức KH&CN lên 25 tổ chức.

Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đã tăng cường truyền thông, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp⁸; hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế, giải pháp hữu ích cho trên 120 lượt tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; tập trung hướng dẫn các địa phương xử lý vấn đề phát sinh đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý chịu tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 03 chỉ dẫn địa lý, 88 nhãn hiệu tập thể và chứng nhận được bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Công tác hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới công nghệ, ứng dụng các công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch

đoạn hiện nay” và Đề tài “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực ứng phó với rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của phụ nữ tỉnh Quảng Bình, đáp ứng yêu cầu giới trong giai đoạn mới”.

⁶ Nổi bật là các mô hình, nhiệm vụ: Nghiên cứu bảo tồn, chọn tạo giống và phát triển cây trồng, vật nuôi bản địa: nếp than, cây Đinh lăng, cây Cỏ ngọt, cá chạch bùn, gà cụp đuôi, cá niên, cá chình mun...; Các mô hình phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp như cà phê Khe Sanh, chè vàng, An xoa, Cà gai leo, Linh chi, Xạ đen, Đông trùng hạ thảo, tỏi tía Ba Đồn, Hàu Quán Hàu và các sản phẩm OCOP đặc trưng; Nghiên cứu quy trình chế biến sâu, nâng cao giá trị nông sản: hồ tiêu xanh, tiêu đỏ, khoai lang, gừng, cà rốt, rau má, chè dây, cao khô tía tô, sản phẩm từ dược liệu; Ứng dụng AI, IoT, Big Data xây dựng mô hình xã thông minh; Ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính, tiếp nhận và trả kết quả cho người dân và doanh nghiệp; Ứng dụng mô hình thương mại điện tử hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm OCOP; Nghiên cứu vật liệu nano nickel oxide, composite cadimi ferit, nano silica, chế phẩm nano kim loại (Ag, Cu, Fe, Co)...

⁷ Trong đó có một số dự án có quy mô lớn như: dự án “Nhà máy tái chế giấy tại Khu Công nghiệp Quán Ngang”; dự án “Tổ hợp chế biến sâu quặng Titan-Monazite”; dự án “Nhà máy sản xuất phôi nhôm từ phế liệu tại Khu Công nghiệp Quán Ngang”; dự án “Nhà máy điện gió Thái Dương 1”; dự án “Nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch II”, dự án “Nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch III”;...

⁸ Tổ chức tập huấn về “Nâng cao năng lực đăng ký, bảo hộ và thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích” và “Giới thiệu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các công cụ, giải pháp quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm và các chủ thể tham gia Chương trình OCOP”.

vụ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được chú trọng. Đã hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN, hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí trên 3 tỷ đồng cho 61 lượt tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

Công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân; kiểm soát các nguồn phóng xạ, các cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ và thiết bị x-quang chẩn đoán trong y tế theo đúng quy định. Đã phối hợp với Cục An toàn bức xạ và hạt nhân tổ chức Hội nghị tập huấn về an toàn bức xạ trong y tế và công nghiệp cho 40 học viên. Tiến hành thẩm định và cấp/gia hạn giấy phép hoạt động bức xạ cho 52 cơ sở đối với 84 thiết bị x-quang chuẩn đoán trong y tế và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho 23 cán bộ làm công tác phụ trách an toàn bức xạ tại các cơ sở bức xạ trên địa bàn tỉnh.

Công tác triển khai Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh. Các hoạt động truyền thông, phổ biến thông tin, kiến thức về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được duy trì, từng bước hình thành tinh thần khởi nghiệp, văn hóa khởi nghiệp trong cộng đồng. Các cuộc thi, hội thi về sáng tạo kỹ thuật và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được triển khai hiệu quả, thu hút đông đảo tổ chức, cá nhân tham gia, qua đó phát hiện, ươm tạo và lan tỏa các ý tưởng sáng tạo.

Công tác nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị Triển khai nhiệm vụ nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh; ban hành kế hoạch về cải thiện và nâng cao Chỉ số, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới.

2.3. Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Đã tham mưu triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 38-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo cùng với các chương trình, đề án của Thủ tướng Chính phủ như: Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030, ... góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo đảm công bằng và an sinh xã hội. Năm 2025 đã tổ chức 06 lớp tập huấn về tiêu chuẩn đo lường chất lượng⁹. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn cho 13 sản

⁹ Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” cho đại diện các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đào tạo nhận thức về ISO 9001, 22000 cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

phẩm hàng hóa của 01 doanh nghiệp; tiếp nhận và xử lý 01 hồ sơ công bố hợp chuẩn 04 sản phẩm của 01 doanh nghiệp; tiếp nhận và xử lý 05 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với 5.500 sản phẩm, hàng hóa điện - điện tử của 02 doanh nghiệp. Chỉ đạo 06 tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt việc bảo quản, duy trì, sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, chuẩn đo lường địa phương, chuẩn công tác đảm bảo được liên kết chuẩn đúng quy định; xây dựng, cải tiến quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Tổ chức khảo sát đánh giá chất lượng thép làm cốt bê tông tại các cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng; ban hành kế hoạch khảo sát tình hình sử dụng phương tiện đo nhóm 2 (cân ô tô) trong mua bán, giao nhận hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 07 đợt kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng phương tiện đo nhóm 2 và các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh; đồng thời tham gia một số Đoàn kiểm tra liên ngành, Đoàn thanh tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong sản xuất, kinh doanh có liên quan.

2.4. Lĩnh vực chuyển đổi số

Ngành đã tham mưu triển khai toàn diện các nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, quản trị điều hành trên môi trường số, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số,... Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai Thỏa thuận hợp tác về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2025-2030, Kế hoạch Nâng cao xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Quảng Trị năm 2025. Tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2025. Tham mưu triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương tham gia học tập khóa “Triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương”, khóa “Hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC”, cũng như các khóa học khác trên nền tảng “Bình dân học vụ số”; hướng dẫn triển khai Khung kiến thức, kỹ năng cơ bản và Hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số. Toàn tỉnh đã tổ chức hơn 40 lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho trên 9.000 cán bộ, công chức, viên chức và 8.000 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng, góp phần lan tỏa phong trào “Bình dân học vụ số” và “Ngày hội toàn dân học tập số”.

2.5. Lĩnh vực bưu chính, viễn thông

Ngành đã hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư hạ tầng viễn thông phục vụ phát triển KHCN, ĐMST & CDS; đẩy mạnh xây dựng, lắp đặt trạm BTS nhằm xóa khu vực trắng sóng di động, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ Nhân dân, nhất là tại các xã khu vực đặc biệt khó khăn; mở rộng vùng phủ sóng 5G¹⁰. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị về triển

¹⁰ Về cơ sở hạ tầng (điện lưới, viễn thông), đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có tổng số thuê bao điện thoại là 1.645.238 thuê bao, đạt mật độ 103,2 thuê bao/100 dân, trong đó: 16.661 thuê bao điện thoại cố định và 1.628.577 thuê bao di động. Tổng số thuê bao truy nhập Internet băng rộng là 1.774.451 thuê bao, trong đó số thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định là 373.201 thuê bao, số thuê bao truy nhập internet băng rộng di động là 1.401.250. Tổng số thuê bao băng rộng cố định FTTH là hộ gia đình là 245.904 thuê bao, đạt tỷ lệ 84,61%. Tổng số thuê bao điện di động sử dụng thiết bị điện thoại thông minh (có dùng dữ liệu) là 1.402.710

khai kế hoạch chính trang, quản lý cấp thông tin. Tổ chức rà soát chức năng, tính năng của hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh; phối hợp nghiệm thu kỹ thuật và đào tạo, tập huấn sử dụng, bàn giao hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh. Triển khai hạ tầng, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác tuyên truyền Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2025-2030 và các ngày lễ lớn của đất nước; đảm bảo thông tin liên lạc trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Tham mưu triển khai cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh¹¹. Công tác quản lý tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, cấp giấy phép tần số cho tàu cá đánh bắt xa bờ được phối hợp thực hiện hiệu quả.

3. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ được đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thuộc theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các đơn vị vừa phát huy vai trò là đơn vị cung ứng dịch vụ kỹ thuật, đồng thời là chủ thể trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành và địa phương; trở thành cánh tay nối dài của Sở trong công tác tham gia xây dựng và tổ chức thực thi chính sách pháp luật, phục vụ có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3.1. Trung tâm Chuyển đổi số và công nghệ thông tin

Triển khai có hiệu quả các hoạt động sự nghiệp kỹ thuật về chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đạt nhiều kết quả quan trọng. Công tác triển khai vận hành các hệ thống thông tin/CSDL dùng chung của tỉnh thông suốt, ổn định¹². Năm 2025 đã tổ chức 20 lớp tập huấn về Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Đã tổ chức triển khai và

thuê bao, đạt tỷ lệ 87,99 thuê bao/100 dân. Tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) trên địa bàn tỉnh là 6.434 trạm (2.312 trạm 3G, 3.595 trạm 4G; 527 trạm 5G).

¹¹UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2931/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 Phê duyệt Đề án và Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật về hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

¹² *Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh* đã hoàn thành tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đáp ứng mô hình Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 79,2%, đúng hạn đạt 98,35%; số hóa hồ sơ đạt 94,95%, tái sử dụng dữ liệu đạt 95,74%. 100% hồ sơ TTHC sau khi được xử lý đã được đồng bộ đầy đủ, kịp thời lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. *Hệ thống văn bản điện tử* gửi nhận thông suốt với Trung ương không gián đoạn; hệ thống hiện thiết lập 2.512 tổ chức với 14.942 tài khoản của các sở, ban, ngành, địa phương và các phòng ban, đơn vị thuộc, trực thuộc. *Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh* đã cấp phát và đưa vào sử dụng 13.606 tài khoản thư điện tử công vụ của cơ quan đảng, cơ quan chính quyền; việc gửi nhận thư điện tử công vụ diễn ra thông suốt, hiệu quả là công cụ hỗ trợ trong trao đổi công việc giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. *Các hệ thống thông tin dùng chung khác của chính quyền tỉnh* hiện đã hoàn thành hợp nhất, đưa vào sử dụng, gồm: Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống Công/Trang thông tin điện tử tỉnh (01 Công thông tin điện tử tỉnh; 40 Trang thông tin điện tử cơ quan cấp tỉnh; 78 Trang thông tin điện tử cấp xã). *Hệ thống Hội nghị trực tuyến* đã triển khai kết nối thông suốt đến 78/78 đơn vị Đảng ủy và chính quyền cấp xã phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. *Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)* hoạt động thông suốt, bảo đảm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin/CSDL dùng chung của tỉnh và với các hệ thống thông tin/CSDL của Trung ương.

đưa vào sử dụng Ứng dụng Công dân số (QUANGTRI-S) trên địa bàn tỉnh, tuyên truyền về ứng dụng Công dân số đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh biết đề tài, cài đặt và sử dụng ứng dụng. Thực hiện có hiệu quả công tác trực ban tiếp nhận, điều phối, biên tập kết quả xử lý phản ánh hiện trường của cơ quan, đơn vị, địa phương trên Hệ thống phần mềm và Tổng đài 1022 (Tiếp nhận 690 phản ánh; Biên tập và phê duyệt 553 kết quả xử lý; Tổng đài 2169 cuộc gọi đi và đến).

3.2. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Duy trì, mở rộng tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường, tổ chức thử nghiệm chất lượng sản phẩm phục vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh¹³. Đã thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường, với 126 phương tiện đo, thiết bị thử nghiệm được kiểm định, hiệu chuẩn, đáp ứng được năng lực kiểm định, hiệu chuẩn hàng năm. Thực hiện có hiệu quả các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, phân tích thử nghiệm chất lượng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, hỗ trợ các cơ quan chức năng thực hiện thanh tra, kiểm tra về đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hoá¹⁴. Tăng cường triển khai hoạt động sự nghiệp kỹ thuật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và nhu cầu đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh. Năm 2025 đã thực hiện kiểm định và hiệu chuẩn được 14.625 phương tiện đo các loại; phân tích 3.250 mẫu hóa sinh; quan trắc môi trường cho 158 cơ sở; thử nghiệm 8.948 mẫu cơ điện – vật liệu xây dựng.

3.3. Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Triển khai có hiệu quả công tác truyền thông KH&CN, ĐMST&CDS. Nội dung, hình thức các chuyên mục, ấn phẩm, bản tin, ... được nâng cao chất lượng và có nhiều đổi mới, góp phần phổ biến rộng rãi các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các thành tựu KH&CN, ĐMST&CDS đến các cấp chính quyền và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh¹⁵. Đã thực

¹³ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã được Trung tâm Giám định và Chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy Vietcert đánh giá giám sát hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực: Thử nghiệm Hóa học, Sinh học, Cơ lý, Vật liệu xây dựng, không phá hủy, Điện - Điện tử, Kiểm định và Hiệu chuẩn phương tiện đo. Ngoài các hoạt động về An toàn bức xạ, Y tế, An toàn lao động đã được cấp phép, Trung tâm đã được UBND tỉnh cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chứng nhận 95 chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo nhóm 2; chứng nhận, cấp thẻ 17 kiểm định viên đo lường,...

¹⁴ Thử nghiệm 46 mẫu nước thải, khoáng sản phục vụ công tác kiểm tra vi phạm môi trường của Công an xã, phường, Công an Môi trường tỉnh; Quan trắc, thử nghiệm 23 mẫu không khí, nước thải phục vụ kiểm tra, giám sát, kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế; Thử nghiệm 44 mẫu đồ chơi trẻ em phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Thử nghiệm 39 mẫu vàng phục vụ kiểm tra chất lượng vàng trên địa bàn tỉnh.

¹⁵ Xuất bản 02 số Đặc san KH&CN (100 bản in/01 số), 06 số Bản tin Thông tin KH&CN với số lượng gần 3.000 bản in và 12 Bản tin Thông tin KH&CN (Bản điện tử). Thực hiện 24 chuyên mục KH&CN; 12 chuyên mục Chuyển đổi số trên Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Quảng Trị; 56 tin, phóng sự ngắn trên sóng thời sự. Xây dựng, xuất bản, phát hành 24 chuyên trang KH&CN; 2 chương trình tọa đàm trên Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh. Thực hiện 05 số tuyên truyền về hoạt động KH&CN của tỉnh trên kênh báo chí trung ương. Viết, cập nhật 2.088 tin, bài về hoạt động KH&CN; Cập nhật 659 văn bản do các cấp có thẩm quyền ban hành liên quan đến hoạt động KH&CN; Cập nhật 02 số Đặc san KH&CN; 12 Bản tin Thông tin KH&CN (Bản điện tử); 06 Bản tin Thông tin KH&CN (Bản giấy); Cập nhật Lịch công tác hàng tuần của Sở và các đơn vị trực thuộc; Thực hiện 06 chuyên mục tuyên truyền tích hợp lên Trang Thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ.

hiện cấp 41 giấy chứng nhận đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; Cập nhật thông tin các nhiệm vụ KH&CN lên Hệ thống thông tin KH&CN Quốc gia; Duy trì, vận hành, quản lý và vận hành các hệ thống thông tin khoa học và công nghệ.

Công tác chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai hiệu quả. Đã tổ chức 15 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp cho người dân trên địa bàn tỉnh với khoảng 450 lượt người; Tổ chức 04 lớp phổ biến kiến thức, chuyển giao kết quả KH&CN, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với khoảng 200 người; Tổ chức 15 lớp tập huấn, tư vấn công tác ứng dụng chuyển đổi số cho cộng đồng tại 15 xã, phường, thị trấn cho 225 lượt người; tư vấn, hỗ trợ cho 10 doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng chuyển đổi số; tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao công nghệ cho 03 tổ chức, cá nhân (quy trình trồng nấm ăn thương phẩm; quy trình sấy lạnh, đóng gói hạt ngũ cốc; quy trình công nghệ bảo quản và đóng gói túi lọc cà gai leo bằng công nghệ sấy tiên tiến; quy trình sản xuất hoa Lily thương phẩm); hỗ trợ hơn 25 tấn chế phẩm vi sinh vật các loại phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường; triển khai xây dựng một số mô hình trình diễn công nghệ bảo quản, đóng gói nông sản và các sản phẩm khác; đẩy mạnh hoạt động sản xuất và thương mại các sản phẩm: trà hòa tan, cà gai leo hòa tan, đông trùng hạ thảo sấy khô, nước uống đóng chai,...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Năm 2025, hoạt động của Ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị diễn ra trong bối cảnh đất nước đang bước vào “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”, đồng thời là thời điểm tiến hành mạnh mẽ cuộc cách mạng toàn diện, đồng bộ về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Các cấp, các ngành và toàn xã hội tập trung triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với quyết tâm chính trị mạnh mẽ nhất.

Trong bối cảnh đó, Ngành vừa thực hiện sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy, vừa triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, đảm bảo liên tục, không gián đoạn. Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ; sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, sự nỗ lực, quyết tâm của đội ngũ công chức, viên chức và người lao động, Ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đã bám sát kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm, phát huy tối đa những thuận lợi và khắc phục mọi khó khăn, tổ chức triển khai hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần tham mưu có hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh. Các nhiệm vụ, giải pháp tập trung tham mưu thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình phát triển KH&CN trên các lĩnh vực, Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Ngành

đã triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực KH&CN; huy động đội ngũ trí thức, nhà khoa học trên địa bàn tỉnh cũng như trong nước trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Ngành đã chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn các sở ngành, địa phương xử lý, tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tiến hành rà soát các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản pháp lý trong lĩnh vực khoa học và công nghệ để tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế để triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh. Rà soát, ưu tiên các nhiệm vụ cấp bách, quan trọng để giải quyết; tích cực, chủ động phát hiện những điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc trong chỉ đạo, điều hành để kịp thời tham mưu, đề xuất lãnh đạo UBND tỉnh xử lý, đảm bảo các hoạt động thông suốt, liên tục, không gián đoạn.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh năm 2025 gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Tiềm lực khoa học, công nghệ của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nhiều nguồn lực chưa được khơi thông và phát huy hiệu quả. Chỉ số chuyển đổi số (DTI) và chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) còn ở nhóm thấp so với cả nước.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ còn hạn chế; trên địa bàn chưa có khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ sinh học. Hạ tầng Internet tại vùng sâu, vùng xa còn yếu; hiện tại vẫn còn 09 bản trắng sóng băng rộng di động, 70 thôn trắng băng rộng cố định. Hạ tầng dữ liệu và trung tâm IOC của tỉnh còn hạn chế; nhiều địa phương chưa đủ thiết bị, phần mềm, đường truyền phục vụ chuyển đổi số.

- Đội ngũ nhân lực chuyên trách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu và yếu. Chất lượng nhân lực không đồng đều giữa các lĩnh vực. Lực lượng chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao còn ít, chưa có chính sách đặc thù thu hút, giữ chân nhân lực chất lượng cao.

- Số lượng doanh nghiệp công nghệ số tại tỉnh rất ít; phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, tiềm lực hạn chế. Việc thu hút đầu tư vào công nghiệp công nghệ thông tin, khu công nghệ cao còn gặp nhiều vướng mắc, đến nay chưa hình thành được khu công nghệ chuyên biệt. Công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đang gặp vướng mắc, khó khăn, đặc biệt là tại cấp xã.

- Việc triển khai nghiên cứu khoa học còn ở quy mô nhỏ, lẻ, manh mún. Tỷ lệ các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ ứng dụng còn thấp so với nghiên cứu cơ bản. Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ còn hạn chế; hoạt động quy mô nhỏ, cơ sở vật chất thiếu đồng bộ. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp

còn hạn chế; chưa tạo được đột phá về năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2026

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

Phát huy kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2025, chủ động bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2026, Ngành Khoa học và Công nghệ phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Triển khai Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026 và giai đoạn 2026-2030.

- Tham mưu ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030; Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI cấp tỉnh) và tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của các sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Tổ chức cập nhật, bổ sung Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Quảng Trị phiên bản mới theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam đã được nâng cấp.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến 2035. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng kết nối băng rộng chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đô thị thông minh, nâng tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đến hết năm 2026 đạt trên 80%. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng dịch vụ 5G, IoT tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế; Thí điểm mô hình “đô thị thông minh”, “khu sản xuất thông minh”.

- Tham mưu tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Xây dựng nền tảng số dùng chung toàn tỉnh và phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh. Hoàn thiện hạ tầng và dữ liệu nền tảng: Hoàn thành kết nối CSDL tỉnh với các CSDL quốc gia (dân cư, đất đai, BHXH, doanh nghiệp). Nâng cấp Kho dữ liệu dùng chung, hoàn thiện nền tảng cloud. Nâng cao chất lượng DVCTT; Tăng DVC toàn trình lên 80%, hồ sơ trực tuyến lên 75% .

- Tổ chức triển khai Đề án nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh kết hợp với Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh, đáp ứng về

không gian làm việc về khai thác dữ liệu IOC và không gian lưu trữ dữ liệu của DataCenter.

- Triển khai tập huấn kỹ năng số cho các Tổ Công nghệ số cộng và Đề án 06 của tỉnh trên nền tảng MOOCs của tỉnh. Phối hợp triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Tập trung tổ chức việc triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Luật số 93/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Tăng cường hỗ trợ người dân, doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ KH&CN, đổi mới công nghệ, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Tổ chức thực hiện tốt công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các nhiệm vụ KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.

- Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện và triển khai các nền tảng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính quyền địa phương 2 cấp và Hướng dẫn số 3640/BKHCN-CĐSQG ngày 04/8/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Tham mưu xây dựng, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh. Hướng dẫn, hỗ trợ những ý tưởng/dự án có tiềm năng hoàn thiện mô hình kinh doanh để mời gọi các nhà đầu tư. Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2026 và những năm tiếp theo.

2. Những giải pháp chủ yếu

- Tháo gỡ “điểm nghẽn” thể chế, xem đây là giải pháp đột phá của đột phá, khơi thông nguồn lực cho phát triển. Triển khai mạnh mẽ các Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị. Triển khai hiệu quả Luật và các văn bản dưới Luật mới ban hành, tiêu biểu như: Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Luật Công nghiệp Công nghệ số năm 2025; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,... Ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số. Ưu

tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời huy động các nguồn vốn xã hội hóa khác. Bố trí ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo mức 3% theo yêu cầu của Nghị quyết 57-NQ/TW và tăng dần vào các năm tiếp theo. Đẩy mạnh thực hiện công tác phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo tinh thần địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm. Ban hành cơ chế giao quyền chủ động, phân cấp rõ hơn cho Sở Khoa học và Công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xem đây là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an toàn thông tin, quản trị đổi mới sáng tạo; xây dựng chính sách thu hút, đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân công nghệ trong và ngoài nước; khuyến khích du học sinh, trí thức trẻ trở về xây dựng quê hương, đóng góp cho sự phát triển của tỉnh. Đẩy mạnh bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh. Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ. Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,...

- Tạo phát triển đột phá cho hạ tầng chiến lược về khoa học và công nghệ phù hợp với không gian phát triển mới. Đầu tư đồng bộ hạ tầng nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp, khu công nghệ cao; mở rộng hạ tầng số đến vùng sâu, vùng xa; thúc đẩy hợp tác công – tư (PPP) trong phát triển hạ tầng số và năng lượng tái tạo. Triển khai có hiệu quả chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

- Thúc đẩy phát triển dữ liệu và hệ sinh thái số, trong đó, dữ liệu là tài nguyên cốt lõi, hình thành hệ sinh thái số là môi trường tập hợp các công nghệ, nền tảng số, và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân kết nối và tương tác để cùng xử lý, phân tích, tạo ra giá trị mới. Xây dựng, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu lớn, dữ liệu mở của tỉnh; phát triển các nền tảng số dùng chung, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, an toàn, thống nhất; hoàn thiện nền tảng liên thông, tích hợp, chia sẻ, biểu diễn dữ liệu; phát triển các dịch vụ thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp; bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Phát triển công nghệ chiến lược và đổi mới sáng tạo. Đề xuất, xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược của tỉnh để hỗ trợ, phát triển. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu – phát triển, đăng ký và khai thác tài sản trí tuệ; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, công nghệ

sinh học, vật liệu mới, năng lượng tái tạo vào các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết của tỉnh. Tập trung triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực như: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái đa lợi ích; chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực; công nghệ sinh học; công nghiệp chế biến; mô hình, phương thức quản trị hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị thiên nhiên và đa dạng sinh học; mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế xanh; phát triển du lịch bền vững; công nghiệp văn hoá; phát triển kinh tế số; phát triển y tế chuyên sâu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ kết nối liên vùng, liên ngành và phát triển hành lang kinh tế...

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp. Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao. Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Mở rộng hợp tác quốc tế, kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu, mời gọi chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài tham gia dự án của tỉnh.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026./.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ